



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ
MỎ VÀ CÔNG NGHIỆP-VINACOMIN

Số 03.25/BC-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2025

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024 (ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)
VÀ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin

Căn cứ Văn bản số 2064/TKV-KS ngày 11/4/2025 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam V/v tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Báo cáo tài chính năm 2024 (đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC) và Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024, cụ thể như sau:

A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024

I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Đơn vị tính: Triệu đồng

TÀI SẢN	Mã số	Số đầu năm 01/1/2024	Số cuối năm 31/12/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	190.002	155.470
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	24.765	17.378
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	131.208	110.583
Trong đó Dự phòng phải thu khó đòi (*)	139	-8.308	-11.906
4. Hàng tồn kho	140	33.587	27.385
5. Tài sản ngắn hạn khác	150	442	124
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	15.742	15.189
1. Các khoản phải thu dài hạn	210		
2. Tài sản cố định	220	14.832	14.061
Trong đó:			
- Tài sản cố định hữu hình	221	14.832	13.244
- Tài sản cố định vô hình	227		
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		817
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		
4. Tài sản dài hạn khác	260	910	1.128
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	205.744	170.659

NGUỒN VỐN			
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	149.791	131.690
1. Nợ ngắn hạn	310	147.919	131.690
Trong đó:			
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	618	958
2. Nợ dài hạn	330	1.872	
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	50.474	38.969
1. Vốn chủ sở hữu	410	28.570	28.672
Trong đó:			
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	24.000	24.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	2.861	2.861
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1.709	1.811
+ LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		209	
+ LNST chưa phân phối kỳ này		1.501	
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	21.904	10.297
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	200.265	170.659

0237
ÔNG T
Ổ PHẦN
N ĐẦU T
ÔNG NG
VINACOM
Y XUÂN

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm trước	Năm nay
1. Tổng doanh thu		160.746	162.216
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	160.544	161.790
- Doanh thu hoạt động tài chính	21	148	380
- Thu nhập khác	31	54	46
2. Tổng chi phí		157.425	158.559
3. Lợi nhuận			
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	2.753	3.657
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	1.766	1.811
4. Một số chỉ tiêu khác			
1. Tổng số nộp ngân sách		12.237	11.434
2. Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		6,57	6,31
3. Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (lần)		5,39	4,56
4. Tổng Quỹ lương hạch toán chi phí		47.800	57.190
5. Số người lao động bình quân (Người)		215	210
6. Tiền lương bình quân (Trđ/ng/tháng)		18,5	22,7

B. PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2024

Stt	Nội dung	Giá trị (đồng)
I	Lợi nhuận trước thuế	3.656.945.720
II	Lợi nhuận sau thuế	1.810.501.337
IV	Lợi nhuận phân phối	1.810.501.337
1	Trả cổ tức (5%)	1.200.000.000
-	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (51%)	612.000.000
-	Cổ đông thể nhân (49%)	588.000.000
2	Trích lập các quỹ, khen thưởng, phúc lợi	610.501.337
-	Quỹ thưởng viên chức quản lý	0
-	Quỹ khen thưởng	244.200.535
-	Quỹ phúc lợi	366.300.802

Nội dung chi tiết của Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty được công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và đăng tải trên website Công ty vào ngày 27/3/2025 tại địa chỉ: <http://vimcc.vn/>

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- ĐHCĐ thường niên 2025;
- Website Công ty;
- Sở GDCKHN (CBTT);
- Lưu: HSDH.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Ngô Thế Phiệt

